

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐÔ THỊ HÓA VỚI PHÁT TRIỂN DÂN SỐ VÀ KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH PHÚ YÊN

LÊ THỊ TƯỜNG VY*, PHẠM PHƯỚC HIỀN**

TÓM TẮT

Quá trình đô thị hóa ở tỉnh Phú Yên đã góp phần làm thay đổi về nhiều mặt ở lĩnh vực dân số và kinh tế – xã hội (KT-XH). Đô thị hóa (ĐTH) làm thay đổi các quá trình dân số như phân bố dân cư, di dân, hành vi dân số..., đồng thời cũng làm thay đổi điều kiện sống của dân cư theo hướng tích cực. Nghiên cứu mối quan hệ giữa đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế – xã hội tỉnh Phú Yên nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực trong quá trình đô thị hóa của tỉnh.

Từ khóa: quá trình đô thị hóa, phát triển dân số, kinh tế – xã hội, Phú Yên

ABSTRACT

The relationship between urbanization and the development of population, economy and society in Phu Yen province

The process of urbanization in Phu Yen province contributes to change many aspects of the population, economy and society. The urbanization process changes the population distribution, the migration process, the population's behavior as well as the living conditions of the population in a positive direction. Researching into the relationship between urbanization and the development of population, economy and society in Phu Yen province promotes the positive aspects and also limits the negative impacts during the province's urbanization process.

Keywords: process of urbanization, population growth, economic – social, Phu Yen.

1. Đặt vấn đề

Với chính sách đổi mới đất nước từ sau năm 1986, nhằm chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: trong 20 năm (từ 1990 đến 2010), tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đạt trung bình 7,3%/năm, thu nhập bình quân đầu người tăng gấp năm lần [7; tr.10]. Cùng với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, quá trình ĐTH cũng đang diễn ra với tốc độ

càng nhanh. Đó là xu hướng tích cực tạo nên động lực mới cho nền kinh tế đất nước.

Trong bối cảnh đó, Phú Yên cũng có những thay đổi tất yếu về KT-XH và phát triển dân số. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của tỉnh đạt 11,72%/năm (giai đoạn 2001 – 2011) [8]. Quá trình công nghiệp hóa và ĐTH cũng đang diễn ra, tạo nhiều cơ hội việc làm, phát triển nhiều loại hình dịch vụ và thu hút nhiều lao động, nhờ đó nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời tạo đà cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh. Xuất phát từ thực tiễn, bài viết này nghiên cứu mối quan hệ giữa quá trình ĐTH với phát triển dân số và KT-XH

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

** ThS, Trường THPT Nguyễn Trung Trực, Gò Vấp, TPHCM

trên phạm vi địa bàn tỉnh Phú Yên, từ đó chỉ ra những mặt tích cực để phát huy và thấy được những hạn chế để khắc phục trong quá trình ĐTH.

2. Nội dung

2.1. Đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế – xã hội

2.1.1. Đô thị hóa

Đô thị hóa: Là một hiện tượng dân số, KT-XH, được coi là kết quả của sự phát triển nói chung, cũng như quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng; là quá trình biến đổi từ xã hội nông nghiệp, nông thôn thành xã hội đô thị, công nghiệp. [5; tr.99]

Thước đo đô thị hóa: Có nhiều thước đo ĐTH được đưa ra, nhằm đánh giá các đặc trưng của quá trình ĐTH. Ở đây, chúng tôi sử dụng chỉ số đô thị – nông thôn để làm thước đo. Chỉ số này thường được sử dụng trong các nghiên cứu dự báo về động lực và xu hướng phát triển của ĐTH. Chỉ số đô thị – nông thôn (Urban – Rural Ratio) được xác định bằng công thức sau:

$$URR_t = \frac{PU_t}{PR_t}$$

URR_t: Chỉ số đô thị - nông thôn tại thời điểm t

PU_t: Dân số đô thị tại thời điểm t

PR_t: Dân số nông thôn tại thời điểm t.

[6; tr.629]

2.1.2. Phát triển dân số và kinh tế - xã hội

Gia tăng dân số: Là quá trình phát triển số dân trên một lãnh thổ nhất định trong một thời gian nhất định, thường là một năm. [5]

Phát triển: Được coi là sự tăng trưởng về kinh tế, sự tiến bộ về xã hội và

sự bền vững về môi trường. [5; tr.8]

Mối quan hệ đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế – xã hội: ĐTH ảnh hưởng đến các quá trình dân số như di dân từ những vùng nông thôn đến các thành phố lớn, gia tăng tỉ lệ dân số đô thị... Ngoài ra, ĐTH còn chi phối các hành vi dân số như hôn nhân, mức sinh và mức tử, cơ cấu tuổi và cơ cấu giới tính...

Trong quá trình ĐTH, ngoài việc tích tụ dân cư để hình thành các thành phố mới, số dân thành thị tăng lên chủ yếu do mở rộng địa giới hành chính, gia tăng tự nhiên và một phần do di dân từ nông thôn ra thành thị dưới nhiều hình thức khác nhau. [5; tr.98].

Trong điều kiện bình thường, quá trình ĐTH tạo ra những thế mạnh như: cung ứng nguồn lao động từ nông thôn cho thành thị, điều tiết phí nhân công cũng như thu nhập của người lao động, giảm sức ép về dân số, về đất đai để tạo tiền đề cho tập trung và tích tụ ruộng đất, phát triển nền nông nghiệp lớn... Tuy nhiên, tốc độ ĐTH ngày càng lớn ở các nước đang phát triển đã và đang để lại những hậu quả và tác động không tốt đến điều kiện sống ở thành thị, cản trở tiến trình phát triển xã hội. [5, tr.99]

2.1.3. Thực trạng đô thị hóa ở tỉnh Phú Yên

Năm 2011, tỉnh Phú Yên có TP Tuy Hòa là đô thị loại III, thị xã Sông Cầu là đô thị loại IV và 5 thị trấn thuộc 5 huyện: thị trấn La Hai (huyện Đồng Xuân), Chí Thạnh (huyện Tuy An), Củng Sơn (huyện Sơn Hòa), Hai Riêng (huyện Sông Hinh) và Phú Hòa (huyện Phú Hòa). Hai huyện Đông Hòa và Tây Hòa chưa có thị trấn huyện lỵ.

Bảng 1. Hiện trạng phân bố dân cư đô thị và nông thôn Phú Yên năm 2011

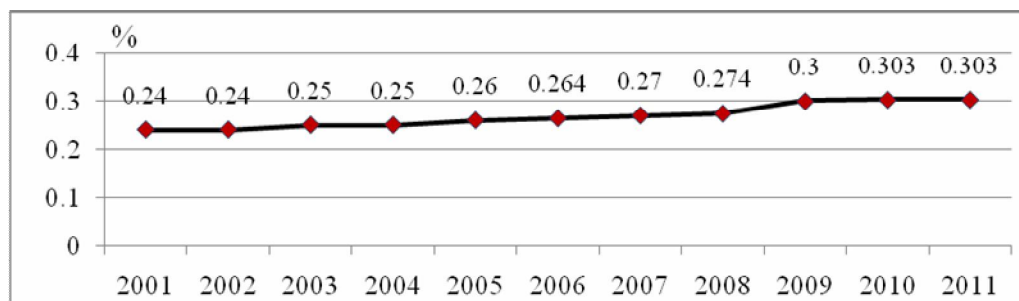
Hạng mục	Số phường, thị trấn	Số xã	Diện tích (km ²)	Dân số (người)			Tỉ lệ ĐTH (%)	Mật độ dân số (người/km ²)
				Tổng	Đô thị	Nông thôn		
Toàn tỉnh	21	91	5.060	871949	202602	669347	23,5	172
TP. Tuy Hòa	12	4	107	154714	124686	30028	80,6	1.446
TX. Sông Cầu	4	10	489	99213	30346	68867	30,6	203
H. Đồng Xuân	1	10	1.069	58627	9345	49282	15,9	55
H. Tuy An	1	15	415	122501	8517	113984	7,0	295
H. Sơn Hòa	1	13	952	54677	9882	44795	18,1	57
H. Sông Hinh	1	10	887	45860	10639	35221	23,2	52
H. Phú Hòa	1	8	264	104178	9187	94991	8,8	391
H. Đông Hòa	-	10	268	115446	-	115446	-	431
H. Tây Hòa	-	11	609	116733	-	116733	-	192

Nguồn: Xử lý từ [2]

Tính đến thời điểm 2011, tổng diện tích đất đô thị toàn tỉnh có 17.779,40ha, chiếm 3,51% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó đất ở có 1.494,89ha, bình quân đất ở đô thị là 73,78m²/người. Nhìn chung, các đô thị ở Phú Yên có quy mô diện tích thuộc loại vừa và nhỏ, phân bố chủ yếu theo đơn vị hành chính. Các đô thị đều đã có quy hoạch chung và định hướng xây dựng phát triển đô thị đến năm 2025.

Chỉ số đô thị – nông thôn phản ánh thực trạng quá trình ĐTH đang diễn ra trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2000 – 2011 (xem biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Xu hướng biến đổi chỉ số đô thị – nông thôn tỉnh Phú Yên



Nguồn: Xử lý từ [1], [2]

Biểu đồ cho thấy, chỉ số đô thị – nông thôn của tỉnh Phú Yên thay đổi hết sức chậm chạp. Trong giai đoạn 2001 – 2004, chỉ số đô thị – nông thôn ở mức dưới 0,25%. Từ 2005, chỉ số ĐTH tăng nhẹ, đạt 0,26%, đến năm 2009 đạt 0,3%. Nhìn chung, dân số đô thị của tỉnh Phú Yên vẫn còn chiếm tỉ lệ thấp trong tổng dân số của tỉnh và tăng ở mức có kiểm soát.

Tốc độ ĐTH ở tỉnh Phú Yên vẫn còn chậm chạp và có sự biến chuyển tương đối nhanh từ năm 2009 trở lại đây. Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 27-8-2009 về

thành lập thị xã Sông Cầu và các phường thuộc thị xã Sông Cầu trên cơ sở huyện Sông Cầu trước đây, vì vậy, chỉ số đô thị – nông thôn ở Phú Yên tăng đột biến.

2.2. Mối quan hệ giữa quá trình đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế – xã hội tỉnh Phú Yên

2.2.1. Đô thị hóa và các quá trình dân số

Dân số: Theo số liệu thống kê, dân số tỉnh Phú Yên năm 2001 là 808.234 người, đến năm 2011 tăng lên 871.949 người, tỉ lệ tăng dân số trung bình giai đoạn 2001 – 2011 là 0,79% (xem bảng 2). [1], [2]

Bảng 2. Dân số trung bình tỉnh Phú Yên

DVT: Người

Năm	Tổng dân số	Dân số thành thị	Dân số nông thôn
2001	808.423	155.994	652.429
2005	838.234	172.211	666.023
2009	862.373	198.780	663.593
2011	871.949	202.602	669.347
Mức tăng 2001 – 2011 (%)	0,79	2,99	0,26

Nguồn: Xử lí từ [1], [2]

Dân số thành thị năm 2011 là 202.602 người, chiếm 23,2% tổng dân số. Dân số nông thôn năm 2011 là 669.347 người, chiếm 76,8% tổng dân số. Giữa thành thị và nông thôn có sự chênh lệch đáng kể về mức tăng dân số. Giai đoạn 2001 – 2011, dân số thành thị tăng bình quân 2,99% trong khi dân số nông thôn chỉ tăng 0,26%. Điều này phản ánh trong quá trình ĐTH của tỉnh, một bộ phận dân cư nông thôn dịch chuyển ra các đô thị, làm tăng dân số đô thị.

Phân bố dân cư: Dân cư phân bố không đồng đều trên địa bàn toàn tỉnh và tập trung chủ yếu tại TP Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, các thị trấn và các trung tâm xã. Mật độ dân số năm 2011 trên tổng diện tích đất tự nhiên dao động khá lớn, từ 52 người/km² (huyện Sông Hinh) đến 1446 người/km² (TP Tuy Hòa) [2], có sự chênh lệch khá rõ giữa vùng đô thị và vùng nông thôn, vùng đồng bằng và vùng núi. Dân cư vùng đồng bằng phần lớn tập trung ở

các huyện vùng thấp như Sông Cầu, Tuy An, Phú Hòa, Tây Hòa, Đông Hòa. Khu vực này có mật độ dân cư nông thôn tập trung cao, khoảng 270 người/km², huyện Đông Hòa có mật độ dân cư lên tới 431 người/km², huyện Phú Hòa 395 người/km² [2]. Các trung tâm xã phân bố tập trung trên các trục lộ chính và các tuyến tỉnh lộ.

Vùng miền núi tuy đất đai rộng lớn nhưng dân cư còn rất thưa thớt. Mật độ dân cư huyện Sông Hinh là 52 người/km², huyện Sơn Hòa 57 người/km², huyện Đồng Xuân 55 người/km² [2]. Các điểm dân cư nông thôn tỉnh Phú Yên, đặc biệt là các huyện miền núi Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh đời sống còn thấp.

Quá trình di dân: Là một tỉnh nhỏ, đang trong thời kỳ công nghiệp hóa và ĐTH, nên phần lớn dân cư Phú Yên vẫn sinh sống ở khu vực nông thôn. Bức tranh dân số thành thị vẫn giữ mức ổn định, có kiểm soát và tăng khá chậm chạp. Từ 2001 đến 2011, tỉ lệ ĐTH tỉnh Phú Yên tăng từ 19,2% lên 23,3%, chênh lệch không nhiều. Quá trình ĐTH nơi đây không nhanh như ở nhiều địa phương khác trong cả nước; do đó, quá trình di dân vào các đô thị cũng không ồ ạt như nơi khác, chủ yếu là di dân kiểu con lấc. Với khoảng cách đô thị – nông thôn ngắn, có thể di chuyển trong vòng 30 phút trở lại, nên người dân vẫn chọn cách đi - về trong ngày, cư trú ở nông thôn và

làm việc ở đô thị.

Trong quá trình ĐTH ở tỉnh Phú Yên, đáng lưu ý là hình thức dịch cư tại chỗ; đó là việc đô thị hóa lan tỏa: sáp nhập các vùng nông thôn lân cận, cấu thành những bộ phận mới của đô thị, từ đơn vị huyện – xã sang đơn vị quận – phường. Năm 2005, thị xã Tuy Hòa được nâng cấp lên đô thị loại III trực thuộc tỉnh, các xã Bình Kiến, Bình Ngọc, An Phú... thuộc thị xã Tuy Hòa nay trở thành các phường của TP Tuy Hòa mới. Năm 2009, Phú Yên thành lập thị xã Sông Cầu và các phường thuộc thị xã Sông Cầu. Điều này là nguyên nhân gia tăng dân số đô thị của tỉnh một cách đột ngột, dẫn đến kết cấu hạ tầng không tương xứng với mức độ ĐTH, vùng phụ cận phát triển nhanh nhưng thiếu quy hoạch làm cho không gian đô thị tương đối lộn xộn.

Hành vi dân số cũng bị chi phối bởi điều kiện sống của những người dân gốc. Lối sống thành thị ảnh hưởng lớn đến hành vi dân số, trước hết là hôn nhân, sinh đẻ và nuôi dạy con cái. Nhìn chung, tuổi kết hôn trung bình ở thành thị cao hơn nông thôn. Quan niệm sinh ít con và quy mô gia đình nhỏ cũng là yếu tố quan trọng làm giảm mức sinh. Mức sinh và mức tử ở các đô thị đều thấp hơn nông thôn, một phần còn do khâu tuyên truyền, giáo dục kế hoạch hóa gia đình được phổ biến tốt và hạ tầng y tế được đảm bảo (xem bảng 3).

Bảng 3. Biến động mức sinh, mức chết và tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số tỉnh Phú Yên

	Tỉ lệ sinh (%)			Tỉ lệ chết (%)			Tỉ lệ tăng tự nhiên (%)		
	Tổng số	Thành thị	Nông thôn	Tổng số	Thành thị	Nông thôn	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
2001	21,24	18,6	21,73	6,04	4,4	6,14	15,20	14,2	15,59
2005	19,63	17,49	20,34	5,85	4,29	6,05	13,78	13,2	14,29
2008	18,38	15,82	19,08	5,95	4,12	6,45	12,43	11,7	12,63
2010	17,32	14,60	18,14	5,7	4,02	6,21	11,62	10,58	11,93
2011	16,77	14,62	17,42	5,52	4,05	5,96	11,25	10,57	11,46

Nguồn: [1], [2]

Tỉ lệ sinh giảm liên tục qua các năm, từ 21,24% năm 2001 xuống còn 16,77% năm 2011. Trong đó, tỉ lệ sinh của thành thị luôn thấp hơn trung bình chung và xu hướng giảm mạnh, từ 18,6% (2001) xuống 14,62% (2011), khu vực nông thôn cũng giảm liên tục, từ 21,73% (2001) xuống 17,42% (2011). Xét về tốc độ giảm giai đoạn 2001-2011 thì khu vực nông thôn giảm tỉ lệ sinh nhanh hơn (giảm 4,31%) so với khu vực thành thị (giảm 3,98%).

Tỉ lệ tử cũng giảm ở mức chậm chạp, từ 6,04% năm 2001 xuống còn 5,52% năm 2011. Tỉ lệ tử của khu vực thành thị thấp

hơn so với khu vực nông thôn và cũng đang có xu hướng giảm. Điều này đồng nghĩa với việc chất lượng chăm sóc y tế được nâng cao, sức khỏe người dân được đảm bảo nên tỉ lệ chết thấp.

2.2.2. Đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế

Quá trình ĐTH gắn liền với công nghiệp hóa – hiện đại hóa đã thúc đẩy kinh tế tỉnh Phú Yên phát triển theo hướng tích cực. Kinh tế tỉnh Phú Yên có tốc độ tăng trưởng ngày càng cao. Tính chung cả giai đoạn 2001 – 2011, tăng trưởng kinh tế của tỉnh duy trì ở mức tương đối cao và ổn định, bình quân đạt 11,72% (xem bảng 4).

Bảng 4. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên

ĐVT: %

Tốc độ tăng trưởng bình quân	Toàn bộ nền kinh tế	Chia ra		
		CN	NN	DV
Giai đoạn 2001 – 2011	11,72	16,65	4,90	12,9
Giai đoạn 2001 – 2005	10,85	16,52	5,13	12,1
Giai đoạn 2006 – 2011	12,44	16,74	4,71	13,62

Nguồn: Xử lí từ [1] và [2]

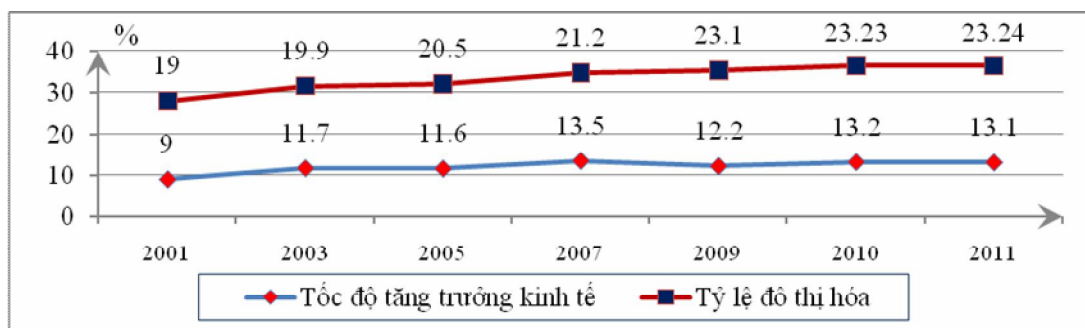
Bảng 4 cho thấy, giai đoạn 2001 – 2005, tăng trưởng bình quân toàn bộ nền kinh tế đạt 10,85%/năm, trong đó, khu vực nông – lâm – ngư nghiệp tăng 5,1%, công nghiệp tăng cao: đạt 16,52%, dịch vụ tăng 12,1%. Giai đoạn 2006 – 2011, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt mức cao hơn: 12,44%/năm; trong đó, khu vực nông – lâm – ngư nghiệp chỉ tăng ở mức 4,7%, công nghiệp có mức tăng trưởng ngoạn mục: đạt 16,74%, dịch vụ tăng 13,62%. Đây là mức tăng trưởng tương đối cao, tạo đà phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

Sở dĩ Phú Yên đạt được những thành quả trên là nhờ địa phương đã áp

dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Mặc dù ngành nông nghiệp có mức tăng trưởng thấp hơn hẳn những ngành khác nhưng đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình đảm bảo an ninh lương thực và là trung gian trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như chuyển dịch cơ cấu lao động.

Giữa ĐTH và tăng trưởng kinh tế có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Khi đô thị hóa phát triển, kéo theo tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng. Mức độ tăng trưởng kinh tế và tỉ lệ ĐTH ở Phú Yên thể hiện ở biểu đồ 2 sau đây:

Biểu đồ 2. So sánh tỉ lệ đô thị hóa và tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên



Nguồn: Xử lý từ [1] và [2]

Biểu đồ 2 cho thấy tăng trưởng kinh tế và ĐTH gần như phát triển song song với nhau. ĐTH thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh hơn, đồng thời tăng trưởng kinh tế cũng làm ĐTH diễn ra nhanh hơn.

Đối với tỉnh Phú Yên, do quá trình ĐTH diễn ra tương đối chậm và còn ở mức kiểm soát nên tác động đến tăng trưởng kinh tế chủ yếu là tác động tích cực và là tiền đề thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh, tương đối ổn định.

2.2.3. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong quá trình đô thị hóa (xem bảng 5)

Bảng 5. Hiện trạng nguồn nhân lực tỉnh Phú Yên qua các năm

	2000	2005	2007	2010	2011
Lao động đang làm việc (người)	432.846	455.968	482.815	495.360	498.710
Tỉ lệ nguồn lao động so với tổng dân số (%)	53,8	56,3	56,8	57,1	57,2

Nguồn: Xử lý từ [1] và [2]

Tính đến thời điểm 01-7-2011, lao động đang làm việc ở Phú Yên là 498.710 người, chiếm 57,2% dân số toàn tỉnh. Quá trình đô thị hóa góp phần làm tăng tỉ lệ nguồn lao động so với tổng dân số, đặc biệt là lao động ở đô thị, do có sự chuyển dịch của lao động từ vùng nông

thôn ra thành thị. Tỉ lệ lao động đang làm việc tăng tương đối chậm, từ 53,8% (2000) lên 57,2% (2011).

Cơ cấu của nền kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động (xem bảng 6).

Bảng 6. Chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Phú Yên

DVT: %

	Lao động NN	Lao động CN	Lao động DV
2000	74,3	7,8	17,9
2005	69,2	11,2	19,6
2007	66,0	13,0	21,0
2010	60,8	15,7	23,5
2011	59,2	16,4	24,4

Nguồn: [1], [2], [3], [4]

Lao động nông nghiệp ngày càng giảm nhanh, từ 74,3% năm 2000 xuống còn 59,2% năm 2011; trong khi đó, lao động công nghiệp và xây dựng ngày càng tăng nhanh, từ 7,8% năm 2000 tăng lên 16,4% năm 2011; lao động dịch vụ cũng tăng lên vào các năm tương ứng, từ 17,9% lên 24,4%. Ngành công nghiệp và dịch vụ đang thu hút ngày càng nhiều lao động nông thôn và lao động các hộ nông nghiệp, nhất là ở TP Tuy Hòa và các địa phương có khu công nghiệp như thị xã Sông Cầu, huyện Đông Hòa. Xu hướng hoạt động đa dạng hóa ngành nghề của lao động cũng ngày càng tăng. Trong thời gian nông nhàn, người lao động có xu hướng tham gia nhiều hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, nhất là ở những địa phương có diện tích đất nông nghiệp thấp, vùng ven thành thị, khu vực xung

quanh các khu công nghiệp.

Như thế, có thể thấy, chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Phú Yên đang đi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: giảm dần lao động nông nghiệp, tăng lao động công nghiệp và dịch vụ. Đây là một tín hiệu tích cực trong quá trình ĐTH.

Tuy nhiên, Phú Yên cũng là tỉnh có chất lượng lao động thấp, với 57,87% lao động chưa qua đào tạo [2]. Số lượng lao động nông thôn cao nhưng có trình độ văn hóa thấp và không được đào tạo cơ bản. Điều này càng đòi hỏi tỉnh cần có những biện pháp đào tạo nghề cho người lao động để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng lao động trong quá trình công nghiệp hóa và ĐTH.

2.2.4. Sự biến đổi về thu nhập của người dân trong quá trình đô thị hóa

Công nghiệp hóa – ĐTH đã tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Yên. Tăng trưởng kinh tế cao kéo

theo thu nhập bình quân đầu người cũng được cải thiện đáng kể (xem bảng 7).

Bảng 7. Thu nhập bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng tỉnh Phú Yên

ĐVT: Nghìn đồng

	2002	2004	2006	2008	2010
Toàn tỉnh	292	377	525	779	1.073
Thành thị	397	526	677	894	1.447
Nông thôn	266	339	482	748	955
Theo 5 nhóm thu nhập					
Nhóm 1	107	139	195	274	376
Nhóm 2	172	222	299	474	607
Nhóm 3	225	304	390	614	810
Nhóm 4	305	425	533	830	1.179
Nhóm 5	651	852	1.201	1.703	2.378

Nguồn: [2]

Bảng 7 cho thấy mức thu nhập bình quân tăng từ 292.000 đồng/người/tháng vào năm 2002 lên 1.073.000 đồng/người/tháng vào năm 2010. Tuy nhiên, mức thu nhập này vẫn còn thấp so với thu nhập bình quân của cả nước năm 2010 (1.387.000 đồng/người/tháng).

Thu nhập bình quân 1 người/tháng ở khu vực thành thị tăng từ 397.000 đồng vào năm 2002 lên 1.447.000 đồng vào năm 2010 (gấp 3,64 lần). Nhìn chung, mức thu nhập của cư dân ở thành thị cao hơn nhiều và tăng nhanh hơn so với ở khu vực nông thôn.

Thu nhập bình quân 1 người/ tháng của nhóm hộ nghèo nhất (nhóm 1) tăng từ 107.000 đồng năm 2002 lên 376.000 đồng năm 2010 (gấp 3,51 lần). Thu nhập bình quân 1 người/tháng của nhóm hộ giàu nhất (nhóm 5) tăng từ 651.000 đồng

năm 2002 lên 2.378.000 đồng năm 2010 (gấp 3,65 lần).

Mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm hộ có thu nhập cao nhất và nhóm hộ có thu nhập thấp nhất năm 2002 là 6,1 lần, năm 2010 là 6,3 lần. Sự chênh lệch về thu nhập đang diễn ra và có chiều hướng tăng nhẹ nhưng vẫn còn ở mức độ cho phép, chưa trở thành mâu thuẫn về lợi ích và vẫn là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó, cần khuyến khích mọi người lao động để tăng thu nhập, nhằm giữ khoảng cách giàu nghèo và phân tầng xã hội về thu nhập trong giới hạn tối ưu, không để trở thành vấn đề nan giải trong xã hội. Điều này đòi hỏi trong thời gian tới, tỉnh cần phải nỗ lực giảm khoảng cách giàu nghèo, tạo sự bình đẳng giữa các bộ phận dân cư.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Quá trình ĐTH đã tác động tích cực tới phát triển dân số và KT-XH của tỉnh Phú Yên. ĐTH cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, làm giảm tỉ lệ sinh, giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên, các quá trình dân số cũng biến chuyển theo hướng tích cực; đồng thời, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân ở cả thành thị lẫn nông thôn.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề phát sinh như tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo còn nhiều, trình độ lao động còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, chênh lệch về thu nhập của nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm có thu nhập thấp nhất đang dần tăng. Tỉnh cần có những biện pháp tích cực hơn để phát triển kinh tế, kiểm soát sự ổn định xã hội trong quá trình ĐTH hiện nay.

3.2. Kiến nghị

Để góp phần nâng cao tác động tích cực của ĐTH đối với phát triển dân số và KT-XH, chúng tôi đề xuất một số ý kiến như sau:

- Việc quy hoạch trên địa bàn tỉnh vẫn còn thiếu đồng bộ, chủ yếu mới chú trọng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bên trong cho các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị mà chưa chú ý gắn kết đồng bộ với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, khu dân cư ở khu vực bên ngoài các khu công nghiệp, khu đô thị. Do đó, cần phải coi trọng và tuân thủ cả ba loại quy hoạch: quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển các khu đô thị,

khu công nghiệp; phải thống nhất, đồng bộ với các loại quy hoạch của vùng và của cả nước để phát huy được lợi thế của tỉnh như một không gian kinh tế thống nhất; kết hợp lợi thế các địa phương khác, tạo hiệu quả phát triển cao nhất.

- Để phân bố lại dân cư cho hợp lí hơn, tỉnh cần giữ nguyên các đô thị hiện hữu, hạn chế đầu tư phát triển đô thị quy mô lớn, đặc biệt là TP Tuy Hòa, để tránh việc tập trung quá đông dân cư vào các đô thị, dễ nảy sinh nhiều tiêu cực trong phát triển KT-XH. Bên cạnh đó, cần quy hoạch phát triển các khu dân cư nông thôn dựa vào điều kiện đặc thù của từng địa phương. Ở vùng miền núi, cần chú ý vận động bà con dân tộc chuyển đổi tập quán từ định cư rải rác chuyển về tập trung tại các điểm trung tâm cụm xã và các điểm dân cư quy hoạch tập trung để tiết kiệm chi phí đầu tư hạ tầng, cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Lao động trên địa bàn tỉnh nhìn chung có trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kĩ thuật còn thấp, ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong công nghiệp còn hạn chế. Cần nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp của người lao động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nghiệp hóa. Muốn vậy, cần củng cố hệ thống giáo dục và dạy nghề, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đầu tư kinh phí cho các trung tâm dạy nghề ở cấp huyện nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề cho người lao động.

- Cần gắn quy hoạch ĐTH với phát triển các ngành nghề, đặc biệt là phát triển các ngành nghề truyền thống của

tỉnh. Xây dựng và mở rộng các ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ ngay tại nông thôn để thu hút lao động nông nghiệp vào lĩnh vực này với phương châm “li nông bắt li hương”.

- Cần đầu tư hơn nữa việc đào tạo nghề nông hiện đại cho nông dân, nâng cao kiến thức, hiểu biết về khoa học kỹ

thuật trong sản xuất nông nghiệp và hiểu biết về thị trường để có phương thức sản xuất có hiệu quả; bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới để giúp nông dân tham gia vào quá trình xây dựng, phát triển làng xã trong quá trình ĐTH hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê Phú Yên (2001), *Niên giám thống kê Phú Yên 2000*.
2. Cục Thống kê Phú Yên (2012), *Niên giám thống kê Phú Yên 2011*.
3. Cục Thống kê Phú Yên (2007), *Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006*.
4. Cục Thống kê Phú Yên (2012), *Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011*.
5. Tổng Văn Đường (2001), *Giáo trình dân số và phát triển*, Hà Nội.
6. Hội Địa lý Việt Nam (2012), *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 6*, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
7. Ngân hàng Thế giới (2012), *Báo cáo Phát triển Việt Nam năm 2012: Kinh tế thị trường khi Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình*, Hà Nội.
8. Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên (2010), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Phú Yên đến 2025*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 03-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 25-10-2013;
ngày chấp nhận đăng: 23-11-2013)